

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 585/2024/DS-PT

Ngày: 04/12/2024

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Bùi Thị Thanh Bạch -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng
10 năm 2024 về việc tranh chấp: “Đòi tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 176/2024/DSST, ngày 18/6/2024 của Tòa án
nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2024/QĐ-PT ngày 10/10/2024,
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Đăng K, sinh năm 1996; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Thị Bé N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thanh D, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(có văn bản xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Quang M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Văn L1, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Do có kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bé N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị Ngọc L có đại diện ủy quyền là anh Trần Đăng K trình bày: Theo bản án số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với công nợ chung, trong đó thì phía nguyên đơn có trách nhiệm thu hồi và sở hữu số tiền nợ của chị Lê Thị Bé N là 2.613.080.000 đồng. Do bản án nêu trên chỉ tuyên nguyên đơn có trách nhiệm thu hồi chứ không buộc chị N thanh toán cho nguyên đơn nên không làm đơn yêu cầu thi hành án được;

Chị L đi thu hồi nợ từ chị N thì chị N không thực hiện mà bà khai nại đã trả cho ông Nguyễn Quang M nên chị L không thu hồi được;

Chị L yêu cầu chị Lê Thị Bé N có trách nhiệm trả cho chị L số tiền là 2.613.080.000 đồng.

**. Bị đơn Lê Thị Bé N có đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Thanh D trình bày:* Vào tháng 7 năm 2011, chị N có làm ăn giao dịch mua bán thức ăn với ông Nguyễn Quang M, ông M là người trực tiếp bán thức ăn cho chị N, hợp đồng chị N cũng xác lập với ông M. Tính đến tháng 8 năm 2019 thì chị N còn nợ ông M số tiền là 2.613.080.000 đồng. Khi vợ chồng ông M và chị L tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung thì chị N cũng có ý kiến là bà giao dịch làm ăn với ông M chứ không có giao dịch với chị L;

Tòa án tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm thì chị N không có tham gia nên bà cũng không biết chị L và ông M hai bên thỏa thuận như thế nào. Trong số tiền nợ 2.613.080.000 đồng thì chị N đã trả cho ông M được 1.613.080.000 đồng, khi trả không làm biên nhận, tuy nhiên chị N và ông M có ngồi lại kết toán với nhau thì chị N có làm biên nhận ngày 03/7/2022 xác định còn nợ lại ông M số tiền là 1.000.000.000 đồng;

Chị N xác định chỉ giao dịch làm ăn với ông M và chị N còn nợ ông M số tiền là 1.000.000.000 đồng, chị N xác định không có làm ăn và không có nợ tiền chị L nên chị N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang M trình bày:* Ông M và chị L trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Trong quá trình vợ chồng chung sống thì ông là người trực tiếp thực hiện công việc kinh doanh mua bán thức ăn gia súc. Chị N là khách hàng, giao dịch mua thức ăn nhiều năm tại chỗ của ông. Chị N có nợ của ông số tiền thức ăn là 2.613.080.000 đồng. Vào ngày 03/7/2022 thì chị N có trả cho ông số tiền là 1.613.080.000 đồng, chị N có làm giấy xác nhận công nợ là còn nợ lại ông số tiền là 1.000.000.000 đồng. Việc chị N trả cho ông số tiền 1.613.080.000 đồng là cùng thời điểm chị L và ông tranh chấp chia tài sản sau ly hôn và được Tòa án huyện C thụ lý giải quyết. Theo bản án phúc thẩm số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh

Tiền Giang thì có nội dung là chị L thực hiện thu hồi công nợ trong đó có số tiền nợ của chị N là 2.613.080.000 đồng. Trong quá trình giải quyết thì các cấp chưa xem xét biên nhận nợ ngày 03/7/2022 của chị N. Vì chị N chỉ còn nợ ông số tiền là 1.000.000.000 đồng. Hiện ông cũng có làm đơn cấp có thẩm quyền xem xét lại đối với bản án số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Chị L dựa vào bản án số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền nợ là 2.613.080.000 đồng theo ông là không phù hợp.

Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2024/DSST, ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng các điều 166, 280, 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc L.

Buộc chị Lê Thị Bé N có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ngọc L số tiền là 2.613.080.000 đồng (hai tỷ, sáu trăm mười ba triệu, tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị N chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé N phải chịu 84.261.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Lê Thị Ngọc L số tiền 42.130.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0015006 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 24/6/2024, bị đơn Lê Thị Bé N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Chị N chỉ giao dịch làm ăn với ông M, chị N đã trả cho ông M tiền 1.613.080.000 đồng nên còn nợ ông M số tiền 1.000.000.000 đồng. Chị N không có làm ăn, không nợ tiền chị L nên chị N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Căn cứ vào văn bản xin vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Bé N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên Lê Thị Ngọc L đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang M thừa nhận có nhận số tiền 1.613.080.000 đồng từ chị N nên đề nghị tách ra bằng một vụ kiện khác;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc L thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 24/6/2024 và biên lai nộp tạm ứng án phí của người kháng cáo thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Bé N có văn bản xin vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bé N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phần quyết định có ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự đối với công nợ chung trong đó “... chia bà L có trách nhiệm thu hồi và sở hữu số tiền 6.637.080.000 đồng.... trong đó có số tiền Lê Thị Bé N nợ là 2.613.080.000 đồng”;

Căn cứ tại phần trình bày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Bé N trong bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang chị N thừa nhận còn nợ ông M số tiền 2.613.080.000 đồng;

Căn cứ vào biên nhận ngày 03/7/2022 do chị N cung cấp và lời thừa nhận của ông M thì chị N có trả cho ông M số tiền là 1.613.080.000 đồng;

Căn cứ vào bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 239/2022/HNGĐ-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì nội dung bản án cũng không thể hiện việc ông M đã nhận một khoản thành toán tiền nợ từ chị N và chị N cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh chị N đã thanh toán một phần nợ cho ông M;

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N có nợ ông M số tiền 2.613.080.000 đồng, trong quá trình xét xử theo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 239/2022/HNGĐ-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thì chị N, ông M không cung cấp chứng cứ chứng minh chị N đã thanh toán cho ông M một phần nợ 1.613.080.000 đồng, chị N cũng không kháng cáo, trong khi biên nhận thanh toán một phần tiền cho ông M là vào ngày 03/7/2022;

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L và ông M về số nợ chị L phải thu hồi và được quyền sở hữu nhưng ông M vẫn không xuất trình chứng cứ gì về việc chị N đã thanh toán một phần nợ cho ông M, chị N cũng không có mặt tại phiên tòa hôn nhân gia đình phúc thẩm để có ý kiến về việc thu hồi nợ thuộc quyền của chị L;

Do đó, lỗi dẫn đến phát sinh tranh chấp hoàn toàn thuộc về ông M nên không thể tách ra bằng một vụ kiện khác giữa chị N và ông M sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L;

Do đó cần buộc ông M có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 1.613.080.000 đồng; Chị N có trách nhiệm trả cho chị L số tiền 1.000.000.000 đồng.

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Bé N cho nên cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Bé N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 166, 280, 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Bé N;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 176/2024/DSST, ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc L.

Buộc chị Lê Thị Bé N có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ngọc L số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng).

Buộc ông Nguyễn Quang M có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ngọc L số tiền là 1.613.080.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười ba triệu, tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Lê Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Lê Thị Bé N, ông Nguyễn Quang M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé N phải chịu 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Quang M phải chịu 60.392.400 đồng (sáu mươi triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho chị Lê Thị Ngọc L số tiền 42.130.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0015006 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Bé N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại chị N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015537 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- THADS huyện Cái Bè;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu